

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2020

“V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Doãn Thị Lệ

2. Bà Lê Thị Toan.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174 /2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp: “Yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: làng Mơ N, xã Chư, TP. P, tỉnh G, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ksor Y, sinh năm 1981.

Địa chỉ: làng Mơ N, xã Chư, TP. P, tỉnh G, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Diễm M trình bày:

Chị M và anh Ksor Y tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chư, TP.P, Gia L vào năm 2005. Quá trình chung sống chị M và anh Y sống hạnh phúc được thời gian, đến thời gian gần đây thì chị M và anh Ksor Y bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M và anh Ksor Y bất đồng quan điểm, giữa hai vợ chồng không thể nào có tiếng nói chung, mặc dù mâu thuẫn nói trên đã được bạn bè, gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, phần ai người đó sống, đời sống chung không thể hòa hợp, không ai quan tâm đến gia đình, mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Nguyễn Thị Diễm M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị M yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Ksor Y.

- Về con chung: Chị M và anh Y có 03 con chung: Ksor Nguyễn P, sinh ngày 09/8/2006; Ksor Nguyễn A K, sinh ngày: 11/10/2016 và K'sor Nguyễn Ngọc N, sinh ngày: 17/9/2018. Ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi cháu Ksor Nguyễn A K, sinh ngày: 11/10/2016 và K'sor Nguyễn Ngọc N, sinh ngày: 17/9/2018 và đồng ý giao cháu con Ksor Nguyễn P, sinh ngày 09/8/2006 cho anh Y nuôi dưỡng và không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nào.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: chị M và anh Ksor Y tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Ksor Y trình bày:

Về việc mâu thuẫn như lời vợ tôi trình bày là có, chị M lừa tôi bán hết đất đai và hiện nay đang sống chung với người khác, vì vậy tôi đồng ý ly hôn với cô Nguyễn Thị Diễm M.

Về con chung: chúng tôi có 03 con chung: Ksor Nguyễn P, sinh ngày 09/8/2006; Ksor Nguyễn A K, sinh ngày: 11/10/2016 và K'sor Nguyễn Ngọc N, sinh ngày: 17/9/2018. Ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G tham gia phiên tòa:

- * Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- * Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 85

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: giao cháu K'sor Nguyễn Ngọc N, sinh ngày: 17/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Diễm M tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giao các cháu Ksor Nguyễn P, sinh ngày 09/8/2006 và cháu Ksor Nguyễn A K, sinh ngày: 11/10/2016 và cho anh Ksor Y tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Diễm M có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Ksor Yur, cư trú tại: làng Mơ N, xã Chư, TP. P, tỉnh G, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Bị đơn là anh Ksor Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh Ksor Y vắng mặt ở những phiên hòa giải và anh Ksor Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Chư, TP.P, G cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 22/9/2005, vì vậy quan hệ hôn nhân của chị M và anh Y là hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống chị M cho rằng anh giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn mâu thuẫn, luôn cãi vã và bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được gia đình, bạn bè hòa giải để hàn gắn nhưng không có kết quả, giữa hai vợ chồng không thể nào có tiếng nói chung, hiện nay không ai quan tâm đến ai, phần người nào chỉ biết người đó, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, bản thân anh Ksor Y cũng thừa nhận những mâu thuẫn nói trên và thống nhất với việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm M. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của chị M và anh Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Diễm M.

[5] Về con chung: Chị M và anh Ksor Y có 03 con chung là: Ksor Nguyễn P, sinh ngày 09/8/2006; Ksor Nguyễn A K, sinh ngày: 11/10/2016 và K'sor Nguyễn Ngọc N, sinh ngày: 17/9/2018.

Chị M có nguyện vọng được nuôi các cháu Ksor Nguyễn A K, sinh ngày: 11/10/2016 và K'sor Nguyễn Ngọc N, sinh ngày: 17/9/2018 và giao cháu Ksor Nguyễn P, sinh ngày 09/8/2006 cho anh Ksor Y tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị M thì thấy rằng đối với cháu K'sor Nguyễn Ngọc N, sinh ngày: 17/9/2018, hiện chưa đủ 20 tháng tuổi và theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, tuy nhiên đối với nguyện vọng xin được nuôi cháu Ksor Nguyễn A K, sinh ngày: 11/10/2016 thì thấy rằng cháu hiện đã trên 36 tháng tuổi và hiện chị Nguyễn Thị Diễm

M đang được tạm hoãn chấp hành án của bản án số 26/2020/HSST ngày 22/4/2020 xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, hết thời hạn hoãn chấp hành hình phạt tù thì chị M phải chấp hành bản án nói trên, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu vì vậy cần thiết phải giao các cháu Ksor Nguyễn P, sinh ngày 09/8/2006; Ksor Nguyễn A K, sinh ngày: 11/10/2016 cho anh Ksor Y là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Xét thấy nguyện vọng nuôi cả 03 cháu Ksor Nguyễn P, sinh ngày 09/8/2006; Ksor Nguyễn A K, sinh ngày: 11/10/2016 và K’sor Nguyễn Ngọc N, sinh ngày: 17/9/2018 của anh Ksor Y thì thấy rằng đối với cháu K’sor Nguyễn Ngọc N, sinh ngày: 17/9/2018, hiện nay cháu N dưới 36 tháng tuổi nên cần thiết phải giao cho chị M tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng là đúng theo quy định của pháp luật, đối với cháu Ksor Nguyễn P có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh Ksor Y vì vậy giao cháu Ksor Nguyễn P cho anh Ksor Y tiếp tục nuôi dưỡng là đúng, đối với cháu Ksor Nguyễn A K, sinh ngày: 11/10/2016 thì thấy rằng hiện nay điều kiện nuôi con của chị My không đảm bảo vì vậy xét thấy cần thiết phải giao cháu Ksor Nguyễn A K, sinh ngày: 11/10/2016 cho anh Ksor Y tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M và anh Ksor Y thống nhất tự thỏa thuận và không có yêu cầu về vấn đề này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh Ksor Y tự thỏa thuận về phần tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị My và anh Ksor Y không có nợ chung nên không có yêu cầu gì. Do đó, HĐXX không đề cập đến.

[8] Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diễm M

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Ksor Y.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu K’sor Nguyễn Ngọc N, sinh ngày: 17/9/2018 cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K’sor Nguyễn Ngọc N đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Giao con chung là cháu Ksor Nguyễn P, sinh ngày 09/8/2006 và Ksor Nguyễn A K, sinh ngày: 11/10/2016 cho anh Ksor Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ksor Nguyễn P và Ksor Nguyễn A K đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm M phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0004809 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G, Chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 12/8/2020), riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. P;
- Chi cục THADS Tp P;
- TAND tỉnh G;
- UBND xã Chư, TP.P, Gia L
(Giấy CNKH số 63 ngày 22/5/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Hồng